

Số: /BC-C.Ty

Kon rẫy, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH**  
**DOANH NĂM 2021**

*(Lập theo biểu số 03 Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2021 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp)*

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

Công ty được giao quản lý diện tích rừng và đất rừng là: **29.652,12 ha**. Trong đó, diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch năm 2021 của Công ty là 27.709,92ha, Đến thời điểm 31/12/2021 diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2021 đã nghiệm thu đủ 12 tháng là: 27.680,20 ha; Diện tích rừng và đất rừng giao theo Quyết định 1047/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 là: 413,44 ha, công ty xác định diện tích đủ điều kiện cung ứng DVMT rừng có rừng tập trung trong số 413,44 ha là: 261,06 ha; Tổng diện tích cung ứng DVMT rừng quản lý đến 31/12/2021 là: 27.941,26 ha, đạt 100,83% kế hoạch năm 2021 và đạt 101,01% ( $27.941,26 \text{ ha} / 27.659,92 \text{ ha} \times 100\% = 101,01\%$ ) so với quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2021, Về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2021.

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Một số công việc không đạt kế hoạch đã đề ra như: khai thác gỗ rừng trồng, khai thác nhựa thông dẫn đến công tác trồng lại rừng sau khai thác và đầu tư bị ảnh hưởng.

Do không khai thác được nên việc đầu tư và tái đầu tư cũng bị ảnh hưởng theo dẫn đến không đảm bảo về vốn để thực hiện đầu tư một số công trình đầu tư phát triển năm 2021.

Một số dự án không bảo đảm về vốn triển khai nên triển khai chậm theo kế hoạch.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Chỉ tiêu                           | ĐVT            | Kế hoạch  | Giá trị thực hiện | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|------------------------------------|----------------|-----------|-------------------|---|
| 1  | Sản phẩm chủ yếu sản xuất          |                |           |                   |   |
| a) | Quản lý bảo vệ rừng                | Ha             | 27.709,92 | 27.659,92         |   |
| b) | Khai thác gỗ rừng trồng            | M <sup>3</sup> | 5.000,00  | 650,00            |   |
| c) | Nhựa thông khai thác rừng trồng    | Tấn            | 70,00     | 6,39              |   |
| 2  | Tổng doanh thu                     | Tỷ đồng        | 23,197    | 20,609            |   |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế               | Tỷ đồng        | 1,042     | 1,407             |   |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế                 | Tỷ đồng        | 0,833     | 1,153             |   |
| 5  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước  | Tỷ đồng        | 0,398     | 0,441             |   |
| 6  | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)  | Tỷ đồng        |           |                   |   |
| 7  | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) |                |           |                   |   |
| 8  | Tổng số lao động                   | Người          | 70        | 61                |   |
| 9  | Tổng quỹ lương                     | Tỷ đồng        | 6,528     | 7,010             |   |
| a) | Quỹ lương quản lý                  | Tỷ đồng        | 1,402     | 1,560             |   |
| b) | Quỹ lương lao động                 | Tỷ đồng        | 5,126     | 5,450             |   |

**Lưu ý:**

(\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: **Công ty không đầu tư các dự án từ Nhóm B trở lên.**

**BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm | Thời gian thực hiện dự án (từ |
|----|-----------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|---|-------------------------------|
|----|-----------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|---|-------------------------------|

|                           |  |  |  |  |  |  |  |                   |                     |
|---------------------------|--|--|--|--|--|--|--|-------------------|---------------------|
|                           |  |  |  |  |  |  |  | báo cáo (tỷ đồng) | năm ... đến năm...) |
| Dự án quan trọng quốc gia |  |  |  |  |  |  |  |                   |                     |
| Dự án nhóm A              |  |  |  |  |  |  |  |                   |                     |
| Dự án nhóm B              |  |  |  |  |  |  |  |                   |                     |

2. Các khoản đầu tư tài chính: Công ty không đầu tư tài chính.

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3: Công ty chưa thành lập công ty con.

#### BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

| TT       | Tên doanh nghiệp  | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|----------|---|-----------------------|--|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---|----------------------------|
| <b>1</b> | <b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>     |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |
| 1.1      | Công ty A   |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |
| 1.2      | Công ty B   |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |
| <b>2</b> | <b>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b> |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |
| 2.1      | Công ty C   |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |
| 2.2      | Công ty D   |                       |  |                        |                     |                                |                              |                             |   |                            |

#### Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum;
- Pháp chế Công ty (01b): Đăng trên Website Công ty;
- Lưu VT; KT-TC.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Hồng Huy**